

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1993/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DÂN NH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Phủ
- Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8, ngày 19 và 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 019/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông A vắng mặt vào ngày 28/9/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Đình C, Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, do Công ty Luật TNHH M luật giới thiệu.

2. Bị đơn: Bà Hứa Hồ Tú U, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Trần Minh H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Văn L, Phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, do Văn phòng Luật sư G giới thiệu.

Người làm chứng: Bà Tăng G, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản trình bày ý kiến và các biên bản hòa giải, làm việc tại Tòa án, nguyên đơn, ông Đỗ Hồng A trình bày: Ông và bà Hứa Hồ Tú U đã tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 13/11/2017, do UBND phường C, quận P cấp. Trong quá trình chung sống, do tính cách, quan điểm sống, cách biệt tuổi tác nên giữa ông và bà U có sự khác biệt, đối nghịch nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Dù ông đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hòa hợp, phía bà U cũng đã tình cảm với người khác, muốn được sống riêng.

- Nay nhận thấy hai bên không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn bà Hứa Hồ Tú U.

- Về con chung: Ông và bà U có 01 con chung tên Đỗ Khánh T, sinh ngày 05/8/2018, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con.

Về việc chăm sóc con: Hiện nay, hàng tuần bé T luân phiên ở cùng ông và bà U, nhưng khi bé về ở cùng với bà U thì bà U thường xuyên cho bé nghỉ học ở trường, có xác nhận của cô giáo đứng lớp (theo bản ghi âm có lập vi bằng đã nộp cho Tòa), chỉ cần bé hơi mệt bà U đã cho nghỉ học và hay cho con về nhà bà ngoại ở huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, bà U cũng không chăm sóc con mà giao toàn bộ cho người giúp việc là bà Lý Thị M chăm sóc từ ăn uống, ngủ nghỉ, dẫn đi chơi ...Bà U cũng không đảm bảo giờ giấc ăn uống, ngủ nghỉ của bé, bé thường thức khuya dẫn đến hôm sau dậy trễ nên phải nghỉ học. Ông không rõ công việc của bà U như thế nào nhưng buổi tối bà U thường vắng nhà để bé T phải ở nhà một mình với người giúp việc.

- Về tài sản: Tài sản chung: Ông và bà U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung : Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn, bà Hứa Hồ Tú U trình bày tại các bản tự khai, biên bản làm việc, biên bản hòa giải tại Tòa án: Việc kết hôn, chung sống và con chung như ông A trình bày là đúng.

- Về quan hệ hôn nhân : Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì không còn hòa hợp vì nhiều lý do: Bà phát hiện ông A, có quan hệ với người phụ nữ khác và ông A đã thừa nhận; về kinh tế gia đình ông A luôn có sự so đo tính toán với vợ con, và cũng thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc con. Từ đó bà bị mất niềm tin và vợ chồng đã ly thân nhiều tháng nay. Vì vậy bà đồng ý ly hôn ông A.

- Về con chung : Bà U không đồng ý giao con chung cho ông A nuôi dưỡng vì trẻ T từ trước tới nay đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng, đưa đón bé đi học, ông A là bác sĩ, thường xuyên đi trực (cả ban ngày và ban đêm) nên không có thời gian chăm sóc con. Ông A rất ít khi chơi cùng con và đến cuối tuần thường chỉ có bà nội đến nhà bà để đón bé về. Về cấp dưỡng : Bà U không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng A trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà U; Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Khánh T, sinh ngày 05/8/2018 và không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư Nguyễn Văn L: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, giao bé Đỗ Khánh T cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng vì xét về thời gian chăm sóc, điều kiện vật chất và khả năng chăm sóc con bà U đều không đảm bảo điều kiện.

Bị đơn: Bà Hứa Hồ Tú U trình bày: Bà đồng ý ly hôn ông Đỗ Hồng A. Bà không đồng ý giao con chung tên Đỗ Khánh T, sinh ngày 05/8/2018 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Luật sư Trần Minh H: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi bé Đỗ Khánh T của nguyên đơn, ông Đỗ Hồng A, đề nghị giao bé T cho bị đơn là bà Hứa Hồ Tú U trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay bé T đang sống cùng bà U, và bà U có đủ điều kiện về vật chất – bà U hiện đang làm việc tại hai công ty có thu nhập ổn định, có nhà riêng tại địa chỉ: Điện Biên Phủ, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - và thời gian chăm sóc con vì bà chỉ làm việc online qua máy tính tại nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Đỗ Hồng A.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Hồng A được ly hôn với bà Hứa Hồ Tú U.

- Về con chung: Xét về nơi ở ổn định, về điều kiện kinh tế, về thời gian cũng như điều kiện chăm sóc con, nhận thấy cần thiết giao cháu Toàn cho ông A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Phía ông A là bác sĩ nên ông có những kiến thức y khoa để chăm sóc và theo dõi sức khỏe của cháu cũng như cháu là con trai thì giao cho ông A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cũng tiện cho việc theo dõi sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ trong tương lai. Do đó giao trẻ Đỗ Khánh T cho ông Đỗ Hồng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Hồng A chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”, bị đơn, bà Hứa Hồ Tú U có địa chỉ cư trú tại: Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét việc khởi kiện của ông Đỗ Hồng A phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hồng A yêu cầu ly hôn bà Hứa Hồ Tú U.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 13/11/2017, do Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Hứa Hồ Tú U và ông Đỗ Hồng A là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Xét lời khai của ông A, sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, do tính cách, quan điểm sống, cách biệt tuổi tác nên giữa ông và bà U có sự khác biệt, đối nghịch nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Dù ông đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể hòa hợp, hai bên đã sống ly thân từ lâu.

Tại phiên tòa, bà U xác nhận giữa bà và ông A đã từ lâu không còn tình cảm vợ chồng, hai bên đều không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng do ông A có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, bà U cũng đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận P nhưng đã rút đơn khởi kiện, bà và ông A đã sống ly thân nhiều tháng nay, và bà đồng ý ly hôn ông A.

Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng ông A và bà U không muốn đoàn tụ và vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Như vậy có thể thấy mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ là không có, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Ông Đỗ Hồng A và bà Hứa Hồ Tú U cùng thừa nhận có 01 người con chung tên Đỗ Khánh T, sinh ngày 05/8/2018, theo giấy khai sinh số 182 ngày 21/8/2018 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, ông A và bà U đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét các điều kiện của hai bên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ:

Bà Hứa Hồ Tú U giao nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh thu nhập và nơi ở ổn định là bản photo các phiếu chi lương từ tháng 10/2021 đến tháng 02/2022, của bà U tại Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q (Đã đối chiếu bản chính tại phiên tòa), bản chính Giấy xác nhận lương ngày 22/9/2022 của bà U tại Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q, Hợp đồng lao động số QT0709/HĐLĐ/CTQT ngày 01/10/2020 được ký giữa bà U và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q; Bản chính Hợp đồng số 01/HĐLĐ/2022 ngày 01/01/2022 được ký giữa bà U và Doanh nghiệp tư nhân A;

Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có tài khoản số 164408183 của bà U tại Ngân hàng TMCP V; bản sao y Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 100459 (Số vào sổ: CS 01305) ngày 10/8/2022 và Hợp đồng tặng cho căn hộ chung cư Điện Biên P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét Hợp đồng lao động số QT0709/HĐLĐ/CTQT ngày 01/10/2020 được ký giữa bà U và Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q, tại Điều 1 quy định về chức danh chuyên môn của bà U là : *“Chuyên viên quản lý”*, địa điểm làm việc của bà U là tại: *“Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q: Phường H, quận P, TP. Hồ Chí Minh và thực hiện các công việc khác khi được phân công theo yêu cầu công việc của giám đốc công ty”*, thời gian làm việc: *Theo từng vụ việc, không phụ thuộc vào thời gian 8h/ngày (Sáng 7h30 -11h; chiều 13h30 -17h)*. Xét Hợp đồng số 01/HĐLĐ/2022 ngày 01/01/2022 được ký giữa bà U và Doanh nghiệp tư nhân A, tại Điều 2 quy định thời giờ làm việc: 8h trên ngày (được nghỉ 1h), và quy định bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là người lao động tự đóng.

Cả hai hợp đồng lao động nêu trên đều quy định rõ thời gian làm việc và địa điểm làm việc của bà U, không thể hiện việc bà U được làm việc online tại nhà nên có nhiều thời gian để chăm sóc con như lời khai của bà U tại phiên tòa, ngoài ra tại phiên tòa, bà U khai hiện nay bà đang theo học văn bằng hai tại Trường Đại học Kinh tế tài chính vào các buổi tối trong tuần, nên Hội đồng xét xử thấy có mâu thuẫn giữa lời khai của bà U và tài liệu thể hiện công việc mà bà U cung cấp trong việc chứng minh bà U chủ động thời gian chăm sóc con.

Điều 3 của Hợp đồng lao động QT0709/HĐLĐ/CTQT ngày 01/10/2020 quy định mức lương chính hoặc tiền công là 8.000.000 đồng và trả lương bằng tiền mặt vào ngày cuối tháng là phù hợp với Giấy xác nhận ngày 22/9/2022 của Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q, tuy nhiên, các phiếu chi do bà U nộp tại phiên tòa lại thể hiện việc chi lương của Công ty Q là vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, mức tiền lương là 15.000.000 đồng là có sự mâu thuẫn, không thể hiện được việc bà U có thu nhập ổn định và xuyên suốt từ ngày ký hợp đồng lao động 01/10/2020 cho đến nay. Bà U cũng không nộp được chứng cứ nào khác chứng minh thu nhập thực tế của bà tại Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Q.

Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có tài khoản số 164408183 của bà U tại Ngân hàng TMCP V thể hiện nguồn thu nhập của bà U chủ yếu do bà Hứa Hồ Nguyệt A – chủ Doanh nghiệp tư nhân A, đồng thời là mẹ ruột của bà U chuyển tiền với nội dung chuyển tiền lương, bà Hứa Hồ Nguyệt A có Đơn xác nhận đề ngày 15/02/2022 xác nhận: Ngoài tiền của bà U thu nhập được thì mỗi tháng bà đều trực tiếp hỗ trợ thêm cho bà U số tiền 15.000.000 đồng, đã bắt đầu chuyển tiền cho bà U từ ngày 05/8/2018 cho đến nay, vừa đúng bằng số tiền lương chính của bà U trong Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ/2022 ngày 01/01/2022 được ký giữa bà U và Doanh nghiệp tư nhân A và phù hợp với sao kê tài khoản số 164408183 của bà U tại Ngân hàng TMCP V, ngoài nguồn thu nhập từ mẹ ruột, bà U không có nguồn thu nhập ổn định nào khác. Việc bà U đang học văn bằng hai tại trường Trường Đại học Kinh tế tài chính cũng do mẹ ruột là bà Hứa Hồ Nguyệt A chi trả tiền học phí (Sao kê giao dịch tài khoản số 164408183 ngày 15/7/2022).

Mặt khác, văn bản số 767/BHXXH ngày 16/6/2022 của Bảo hiểm xã hội quận P cho biết: Căn cứ kết quả tra cứu dữ liệu toàn quốc thì bà U không tham gia bảo hiểm

xã hội bắt buộc tại bất kỳ công ty nào. Theo quy định tại Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội 2014, bà U thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, nhằm để giảm thiểu các rủi ro cho người lao động trong một số trường hợp luật định và để hưởng các ưu đãi của pháp luật trong trường hợp khó khăn hay ưu đãi trong khi sử dụng các loại bảo hiểm xã hội, nhưng cả hai doanh nghiệp nơi bà U làm việc đều không đóng bảo hiểm bắt buộc cho bà U do vậy quyền của người lao động của bà U là chưa đảm bảo sự ổn định trong giai đoạn này.

Bà U khai đã được ông Hứa Thiện T và bà Hồ Thị Nguyệt A tặng cho căn hộ Điện Biên P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tặng cho căn hộ chung cư được công chứng số 005825 ngày 19/8/2022 tại Văn phòng công chứng Lê H, và bà thực tế đang cư trú tại căn hộ này. Theo quy định tại Điều 503 Bộ luật Dân sự, thời điểm chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký theo quy định của Luật đất đai tại Điều 95, tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DE 100459 (Số vào sổ: CS 01305) ngày 10/8/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông T và bà Nguyệt A chưa cập nhật biến động sang tên bà U.

Mặt khác, theo lời khai của ông A và bà Tăng G, bảo mẫu của bé T, thì từ khi sinh cho đến nay, mặc dù trẻ T ở cùng bà U nhưng bà U không thật sự chăm sóc, gần gũi con mà hoàn toàn giao cho bảo mẫu trước đây là bà Gái và bảo mẫu hiện nay là bà Lý Thị M, việc ăn uống, nghỉ ngơi, vui chơi và đưa đón trẻ T đi học đều do bảo mẫu thực hiện.

Ông Đỗ Hồng A nộp bản sao y Hợp đồng lao động số 18/HDLĐ/BV ngày 01/3/2022 được ký giữa ông A và Bệnh viện Q, Quyết định bổ nhiệm số 247/QĐ-BV ngày 21/3/2022 của ông A, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 949163 (Số vào sổ: CS 15996/DA ngày 07/11/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Đỗ Hồng A, sao kê chi tiết giao dịch tài khoản của ông A tại Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng TMCP A, Ngân hàng TMCP N, Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ công chứng số 010940 ngày 16/9/2017 tại Văn phòng công chứng B và xác nhận của chủ đầu tư – Công ty cổ phần đầu tư xây dựng L đối với căn hộ Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; bản chính Hợp đồng cho thuê căn hộ Nguyễn Văn T, Phường M, quận P; bản photo Hợp đồng thuê nhà Trần Quang K, phường Đ Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các tài liệu chứng cứ nêu trên thể hiện ông A hiện đang là bác sĩ chuyên khoa tai mũi họng, hiện đang giữ chức vụ Trưởng khoa ngoại chuyên khoa (B3) tại Bệnh viện Q, có mức lương ổn định hàng tháng là 15.000.000 đồng, ngoài ra ông A còn nguồn thu nhập từ công việc đi phẫu thuật tại các bệnh viện khác, tiền cho thuê nhà Trần Quang K, phường Đ, Quận M và căn hộ Nguyễn Văn T, Phường M, quận P, theo chứng cứ và xác nhận tại phiên tòa thì ông A có công việc ổn định với tổng thu nhập là 70.000.000 đồng/tháng.

Xét trẻ Đỗ Khánh T hiện nay đang theo học tại trường Mầm non V với mức học phí 150.000.000 đồng/năm, tình trạng sức khỏe bình thường, và chi phí sinh hoạt của cháu Toàn mỗi tháng là 15.000.000 đồng (lời khai của bà U tại phiên tòa), việc đóng học phí từ tháng 6/2020 đến nay do ông A chi trả (Ủy nhiệm chi số 2710 ngày 29/6/2020, số 2879 ngày 04/5/2021 tại Ngân hàng TMCP A)

Điều 2 Hợp đồng lao động số 18/HĐLĐ/BV ngày 01/3/2022 thể hiện ông A có thời gian làm việc là giờ hành chính và do tính chất công việc, nhu cầu công tác của bộ phận, Bệnh viện có thể cho áp dụng thời gian làm việc linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo đủ số giờ làm việc theo quy định. Căn cứ Giấy đề nghị xác nhận ngày 15/9/2022 thì Bệnh viện Q xác nhận hiện nay Khoa Ngoại Chuyên Khoa (B3) không phân lịch trực cho bác sĩ tại khoa và lịch công tác của bác sĩ trong khoa do Bác sĩ trưởng khoa (là ông A) chủ động phân công điều hành. Ngoài ra, ông A trình bày, ông có mẹ ruột là bà Ngô Thị N, là bà nội của trẻ T hiện đang ở cùng nhà với ông tại địa chỉ căn hộ Nguyễn Hữu C, Phường H, quận B để phụ giúp ông chăm sóc cho bé T, là phù hợp với nội dung Thông báo v/v đăng ký tạm trú số 6193/TB-CAP ngày 26/8/2017 và Thông báo về kết quả giải quyết cư trú số 007313 ngày 08/9/2022 của Công an phường H quận B, và phù hợp với lời khai của bà N tại bản tự khai ngày 28/9/2022;

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét về nơi ở ổn định, về điều kiện kinh tế, về thời gian cũng như điều kiện chăm sóc con, hơn nữa Khánh T là bé trai nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ trong tương lai và căn cứ Điều 70, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Đỗ Khánh T cho ông Đỗ Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư L là có căn cứ. Yêu cầu của bà U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T và đề nghị của Luật sư H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông A không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông A.

[2.4] Về tài sản:

Tài sản chung: Ông A và bà U cùng xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Ông A và bà U cùng xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Hồng A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000437 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 70, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đỗ Hồng A.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hồng A được ly hôn bà Hứa Hồ Tú U.

Giấy chứng nhận kết hôn số 104 ngày 13/11/2017, do Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Đỗ Khánh T, sinh ngày 05/8/2018 cho ông Đỗ Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Hồng A không yêu cầu bà Hứa Hồ Tú U cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.4 Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Hồng A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được miễn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000437 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Hồng A đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Hứa Hồ Tú U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Ông Đỗ Hồng A vắng mặt tại ngày tuyên án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận B;
- THADS quận B;
- UBND Phường C, quận P.
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 30 ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:
- Hội thẩm nhân dân: 1 – Ông Trần Văn Phú

2 – Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

Đã nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 019/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sự trình bày, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và ra quyết định những vấn đề sau:

Biểu quyết: 3/3

Căn cứ Điều 259 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa do cần phải thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa.

Phiên tòa sẽ tiếp tục vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 19 tháng 9 năm 2022.

Buổi nghị án kết thúc lúc 11 giờ 45 phút ngày 31/8/2022. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Hoàng Oanh

Trần Văn Phủ

Nguyễn Kiều Trang